TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 12/7/2019.
V/v: *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Đình H, sinh năm 1974; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1982; có mặt.

Cùng trú tại: Thôn 6, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Võ Thị Lan T, sinh năm 2002; vắng mặt.

- Võ Thị Hồng Tr, sinh năm 2009; vắng mặt.

- Võ Thanh S, sinh năm 2002; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn 6, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn - anh Võ Đình H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H với chị Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 2002, đến năm 2012 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã HK, huyện T năm 2012.

Anh H và chị T sống với nhau hạnh phúc khoảng 5 năm đầu nhưng sau đó kể từ sau khi đăng ký kết hôn cho đến nay thì vợ chồng không còn hạnh phúc như trước nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên đời sống thường gây gỗ cải vả. Khoảng đầu năm 2017, chị T nộp đơn ly hôn với anh H thì giữa anh H và chị T chính thức ly thân nhau cho đến nay. Anh H về ở nhà chị ruột tại thôn 6, xã HK, còn chị T ở trong căn nhà chung của vợ chồng tạo dựng, thời gian sống ly thân anh chị không không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc mà thường xảy ra gây gỗ, xích mích, gia đình xáo trộn nên anh đã quyết định làm đơn xin ly hôn chị T.

Về con chung: Thời gian chung sống, Anh H và chị T có 03 con chung là Võ Thị Lan T, sinh năm 2002; Võ Thị Hồng Tr, sinh năm 2009; Võ Thanh S, sinh năm 2012, hiện tại các con đang ở với chị T.

Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các người con chung khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị T có nguyện vọng nuôi con thì anh H đồng ý giao các con cho chị T nuôi dưỡng, nhưng anh không chấp nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết phân chia.

Các tài liệu, chứng cứ anh H giao nộp gồm có: 01 bản sao trích lục kết hôn; 03 bản sao trích lục khai sinh con chung Võ Thị Lan T, Võ Thanh S, Võ Thị Hồng Tr; 01 bản sao chứng minh nhân dân anh H, 01 bản sao sổ hộ khẩu.

Bị đơn chị Lê Thị T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Võ Đình H chung sống với nhau từ năm 2002, đến năm 2012 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã HK, huyện T.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh H là người chồng có tính gia trưởng, thường có hành động chửi bới, xúc phạm chị T, thậm chí có lúc anh H đánh đập gây thương tích cho chị T.

Mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã nhiều lần được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Trước đây chị có nộp đơn xin ly hôn với anh H nhưng chị đã rút đơn kiện do nghĩ việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc học hành của các con nên chị đã cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng.

Nay anh H đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, bản thân chị nghĩ vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau có hạnh phúc vì tình cảm của chị đối với anh H không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Thời gian chung sống chị T với anh H có 03 người con chung như anh H đã trình bày, hiện nay các con đều đang ở với với chị T, một mình chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung khi ly hôn và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi người con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị T, anh H có tạo lập được một số tài sản chung gồm: 01 căn nhà gỗ xây trên diện tích đất 4,3m chiều ngang; 2,5 sào đất ruộng tọa lạc tại HK, nguồn gốc đất do cha mẹ chồng cho tặng nhưng chưa làm thủ tục tặng cho theo quy đinh; 02 ha đất rẫy giáp ranh giữa HK và xã ĐK, nguồn gốc đất do khai hoang và một phần nhận sang nhượng, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị T không yêu cầu phân chia mà có nguyện vọng để lại cho các con.

Các tài liệu, chứng cứ chị T giao nộp như sau: 01 giấy giới thiệu, các phiếu chỉ định CLS, các hóa đơn bán hàng, đơn thuốc, đơn cấp thuốc điều trị ngoại trú, giấy chứng nhận thương tích, các giấy chẩn đoán hình ảnh chị T bị thương tích; công văn số 07 về giải quyết đơn của ông Võ Đình H, đơn yêu cầu giải quyết nhanh vụ án - tất cả đều phô tô.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*:

Áp Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Đề nghị chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị T.

Đề nghị giao các con chung là Võ Thị Lan T, sinh năm 2002; Võ Thị Hồng Tr, sinh năm 2009; Võ Thanh S, sinh năm 2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; Buộc ông Võ Đình H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T 1.000.000đ/tháng/01 người con cho đến khi các con thành niên. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Đề nghị anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Xét yêu cầu ly hôn của anh Võ Đình H: Tại phiên tòa hôm nay, anh Võ Đình H và chị Lê Thị T thừa nhận anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, đến năm 2012 thì mới làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã HK, huyện T. Anh H và chỉ T chỉ chung sống với nhau có hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn. Sau thời điểm khi đăng ký kết hôn thì giữa anh H và chị T nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra gây gỗ, cải cả dẫn đến xô xát lẫn nhau, sau đó ly thân với nhau cho đến nay.

Theo nội dung biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của anh Võ Đình H và chị Lê Thị T ngày 04/6/2019 tại UBND xã HK thì: anh H và chị T là vợ chồng trước đây sống tại thôn 6, xã HK nhưng hiện nay đã sống riêng. Khi còn sống chung anh H và chị T thường xảy ra cải vả, xô xát, nhiều lần công an xã HK đã đến can thiệp, giải quyết; Ban thôn cũng đã làm công tác vận động, hòa giải nhưng không thành vì anh H và chị T không muốn quay về chung sống với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tác động hòa giải nhưng cả anh H và chị T đều không mông muốn tiếp tục chung sống với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T; chị T đồng ý lý hôn với anh H. Xét thấy giữa anh H và chị T tự nguyện ly hôn với nhau nên cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự: Trong thời gian chung sống anh H và chị T có 03 người con chung là Võ Thị Lan T, sinh năm 2002; Võ Thị Hồng Tr, sinh năm 2009; Võ Thanh S, sinh năm 2012. Khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi dưỡng 03 người con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị T có nguyện vọng nuôi con thì anh H đồng ý giao các con cho chị T nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi các con thành niên.

Xét thấy anh H và chị T đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con nên cần ghi nhận. Theo đó, chị T được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục 03 người con chung là Võ Thị Lan T, sinh năm 2002; Võ Thị Hồng Tr, sinh năm 2009; Võ Thanh S, sinh năm 2012 cho đến khi thành niên, anh H được quyền thăm nom chăm sóc con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ yêu cầu buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T. Mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là 1.500.000đ/tháng/01 người con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của T là có căn cứ, vì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên thấy rằng hiện nay anh H có mức thu nhập không cao do công việc thời vụ không ổn, do đó chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/01 người con là phù hợp. Theo đó cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T mỗi tháng 1.000.000đ/tháng/01 người con (03 người con x 1.000.000đ/tháng = 3.000.000đ) cho đến khi các con chung thành niên là phù với quy định tại 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng chị T trình bày trong quá trình chung sống anh chị có một số tài sản chung gồm có: 01 căn nhà gỗ xây trên diện tích đất 4,3m chiều ngang; 2,5 sào đất ruộng tại HK. Nguồn gốc đất do cha mẹ chồng cho tặng nhưng chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định; 02 ha đất rẫy giáp ranh giữa HK và Đồng Kho. Nguồn gốc đất khai hoang 01 phần và nhận sang nhượng thêm, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu được phân chia.

Xét thấy trước khi xét xử chị T không đưa ra yêu cầu chia tài sản chung nên về tài sản chung của anh H, chị T chưa được xem xét giải quyết trong vụ án này. Để được xem xét giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung, chị T phải thực hiện các thủ tục khởi kiện, Tòa án sẽ thụ lý và giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: anh H và chị T không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Võ Đình H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 55; Các Điều 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đình H và chị Lê Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

Chị Lê Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 người con chung tên Võ Thị Lan T, sinh năm 2002; Võ Thị Hồng Tr, sinh năm 2009; Võ Thanh S, sinh năm 2012 cho đến khi thành niên. Anh Võ Đình H được quyền thăm nom, chăm sóc con và phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T là 1.000.000đ/tháng/01 người con (03 người con x 1.000.000đ/tháng = 3.000.000đ) cho đến khi các con thành niên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

- Anh Võ Đình H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0013142, ngày 25/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh Võ Đình H còn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã HK;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí